

BIỂU TÍNH CHI TIẾT TIẾT KIỂM 10% DỰ TOÁN CHI THUƯỜNG XUYỀN NĂM 2025 XÃ TAM HƯNG
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP NGÀY 13/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND xã Tam Hưng)

Dvt: Nghìn đồng

STT	Đơn vị	Dự toán được giao năm 2025 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 (A)	Các khoản không thực hiện cắt giảm (B)										10% Tiết kiệm chi thường xuyên đầu năm 2025 so với đầu năm 2024 = (A-B-C)*10%
			Cộng	Số TK 10% đã giao đầu năm	Các khoản chi lương, cô tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người, chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội đã được cấp có thẩm quyền quyết định; các khoản chi cho con người theo chế độ (bao gồm: kinh phí tinh giản biên chế; học bổng, chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên; chi hỗ trợ nhân sỹ khó khăn; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia, tiền công và các khoản chi cho con người khác; tiền công và các khoản chi cho con người của các cuộc điều tra thống kê, thực hiện các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền và hiện vật; kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo chế độ quy định; quỹ nhuận bút, giải thưởng văn học, nghệ thuật...)	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đã hoàn thành trước ngày 13/6/2025; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, các gói thầu đã được phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày 13/6/2025 và tiếp tục thực hiện trong năm 2025 (*)	Kinh phí kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; kinh phí tổ chức đại hội đảng các cấp	KP đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	Kinh phí các hoạt động phục vụ công tác y tế dự phòng (phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, các nhiệm vụ đặc thù chuyên môn cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, an toàn thực phẩm, công tác dân số, các nhiệm vụ mua vắc xin, kiểm nghiệm thuốc, nước, được phẩm...)	Số đã tiết kiệm tại biểu số 01 (Đối với các đơn vị phải thực hiện tiết kiệm tại biểu số 01)	
1	2	3	4=5+6+7+8+9+10+11+12	5	6	7	8	9		10	11	12	13=(3-4)*10%
	Tổng Cộng	176.791.143	168.949.275	-	119.114.051	25.594.168	15.026.560	2.350.000	6.457.000	-	407.496	-	784.000
I	KP giao tự chủ, giao khoán	119.731.371	112.681.198	-	98.585.340	2.048.298	5.590.560	-	6.457.000	-	-	-	699.831
I.1	SN quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	10.633.262	8.307.060	-	7.134.762	1.172.298	-	-	-	-	-	-	232.577
1	Văn phòng Đảng ủy	2.324.253	1.838.928	-	1.508.753	330.175	-	-	-	-	-	-	48.533
2	Văn phòng HĐND và UBND	2.219.663	1.660.663	-	1.460.663	200.000	-	-	-	-	-	-	55.900
3	Ủy ban MTTQ	1.611.369	1.186.669	-	991.869	194.800	-	-	-	-	-	-	42.470
4	Phòng Kinh tế	2.792.250	2.434.429	-	2.108.750	325.679	-	-	-	-	-	-	35.739
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.685.727	1.186.371	-	1.064.727	121.644	-	-	-	-	-	-	49.936
I.2	SN Giáo dục Đào tạo và dạy nghề	106.181.000	102.329.560	-	89.538.000	744.000	5.590.560	-	6.457.000	-	-	-	385.000
1	Trường mầm non Tam Hưng A	9.039.000	8.882.103	-	8.465.000	53.000	364.103	-	-	-	-	-	15.690
2	Trường mầm non Tam Hưng B	6.756.000	6.646.584	-	6.330.000	27.000	289.584	-	-	-	-	-	10.942
3	Trường mầm non Thanh Thùy	10.131.000	9.928.246	-	9.306.000	83.000	539.246	-	-	-	-	-	20.275
4	Trường mầm non Mỹ Hưng	7.850.000	7.473.000	-	7.427.000	46.000	-	-	-	-	-	-	37.700
5	Trường mầm non Thanh Văn	8.216.000	8.122.177	-	7.704.000	39.000	379.177	-	-	-	-	-	9.382
6	Trường tiểu học Tam Hưng	11.237.000	10.798.678	-	9.897.000	-	901.678	-	-	-	-	-	43.832
7	Trường tiểu học Thanh Thùy	7.829.000	7.616.489	-	6.578.000	-	1.038.489	-	-	-	-	-	21.251
8	Trường tiểu học Mỹ Hưng	7.248.000	6.761.763	-	6.430.000	-	331.763	-	-	-	-	-	48.624
9	Trường tiểu học Thanh Văn	6.457.000	6.457.000	-	-	-	-	6.457.000	-	-	-	-	-
10	Trường THCS Tam Hưng	10.031.000	9.414.031	-	8.626.000	174.000	614.031	-	-	-	-	-	61.553
11	Trường THCS Thanh Thùy	7.571.000	7.142.461	-	6.520.000	130.000	492.461	-	-	-	-	-	42.854
12	Trường THCS Mỹ Hưng	7.131.000	6.769.540	-	6.308.000	101.000	360.540	-	-	-	-	-	36.146

13	Trường THCS Thanh Văn	6.685.000	6.317.488	-	5.947.000	91.000	279.488										36.751
I.3	SN Y tế	2.048.818	1.334.287	-	1.262.287	72.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.453
	Trạm y tế xã	2.048.818	1.334.287	-	1.262.287	72.000	-										71.453
I.4	SN văn hóa	588.353	441.353	-	381.353	60.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.700
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	588.353	441.353	-	381.353	60.000	-										9.700
I.5	SN quốc phòng	279.938	268.938	-	268.938	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.100
1	Văn phòng HĐND và UBND	279.938	268.938	-	268.938	-	-										1.100
II	KP không giao tư chủ, không giao khoán	57.059.772	56.268.077	-	20.528.711	23.545.870	9.436.000	2.350.000	-	-	-	407.496	-	-	-	-	84.170
II.1	SN quân lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	16.544.482	15.912.787	-	12.502.787	-	1.260.000	2.150.000	-	-	-	-	-	-	-	-	63.170
1	Văn phòng Đảng ủy	4.008.963	3.787.768	-	1.887.768	-	100.000	1.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	22.120
2	Văn phòng HĐND và UBND	8.347.157	8.056.657	-	6.546.657	-	1.160.000	350.000	-	-	-	-	-	-	-	-	29.050
3	Ủy ban MTTQ	1.261.003	1.261.003	-	1.261.003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Kinh tế	1.896.972	1.776.972	-	1.776.972	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.000
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.030.387	1.030.387	-	1.030.387	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.2	SN Giáo dục Đào tạo và dạy nghề	6.287.000	6.287.000	-	5.980.000	47.000	260.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường mầm non Tam Hưng A	417.000	417.000	-	417.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường mầm non Tam Hưng B	306.000	306.000	-	306.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Trường mầm non Thanh Thủy	572.000	572.000	-	571.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Trường mầm non Mỹ Hưng	355.000	355.000	-	355.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Trường mầm non Thanh Văn	393.000	393.000	-	387.000	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Trường tiểu học Tam Hưng	655.000	655.000	-	650.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Trường tiểu học Thanh Thủy	570.000	570.000	-	568.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Trường tiểu học Mỹ Hưng	338.000	338.000	-	336.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Trường tiểu học Thanh Văn	336.000	336.000	-	335.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Trường THCS Tam Hưng	691.000	691.000	-	685.000	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trường THCS Thanh Thủy	566.000	566.000	-	428.000	8.000	130.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Trường THCS Mỹ Hưng	633.000	633.000	-	495.000	8.000	130.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Trường THCS Thanh Văn	455.000	455.000	-	447.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.3	SN Y tế	22.437.182	22.437.182	-	677.686	21.352.000	-	-	-	-	-	407.496	-	-	-	-	-
1	Trạm y tế xã	985.182	985.182	-	677.686	-	-	-	-	-	-	307.496	-	-	-	-	-
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	21.452.000	21.452.000	-	-	21.352.000	-	-	-	-	-	100.000	-	-	-	-	-
II.4	SN Văn hóa	2.001.704	1.951.704	-	371.704	-	1.580.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000
1	Phòng Văn hóa - Xã hội	531.000	531.000	-	-	-	531.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	421.704	371.704	-	371.704	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000
3	Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng	1.049.000	1.049.000	-	-	-	1.049.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.5	SN Thể thao	250.000	200.000	-	-	-	-	200.000	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	250.000	200.000	-	-	-	-	200.000	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000
II.6	SN đảm bảo xã hội	1.743.870	1.743.870	-	-	799.870	944.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.743.870	1.743.870	-	-	799.870	944.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.7	SN quốc phòng	996.534	996.534	-	996.534	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Văn phòng HĐND và UBND	996.534	996.534	-	996.534	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.8	SN an ninh	1.118.000	1.118.000	-	-	1.118.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Văn phòng HĐND và UBND	1.118.000	1.118.000	-	-	1.118.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.9	SN kinh tế	5.631.000	5.596.000	-	-	204.000	5.392.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.500
1	Phòng Kinh tế	239.000	204.000	-	-	204.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.500
2	Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng	5.392.000	5.392.000	-	-	-	5.392.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.10	SN môi trường	50.000	25.000	-	-	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.500
	Phòng Kinh tế	50.000	25.000	-	-	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.500
III	KP chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-